

CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

TS NGUYỄN HỮU SỞ*

Thực hiện mục tiêu công bằng xã hội (CBXH) trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường (KTTT) - nền kinh tế dẫn đến sự tăng trưởng kinh tế cao, đồng thời cũng làm nảy sinh sự bất CBXH, sự phân hóa giàu - nghèo trong bối cảnh Việt Nam chưa giàu có, của cải vật chất còn hạn chế là quan điểm nhất quán của Đảng ta. Qua thực tiễn 10 năm đổi mới, chúng ta nhận thức rõ là không chờ kinh tế phát triển mới giải quyết các vấn đề xã hội mà ngay trong từng bước và suốt quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và CBXH.

1. Những kết quả thực hiện CBXH trong quá trình phát triển KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.

- KTTT tạo điều kiện cho thực hiện công bằng trong phân phối.

Phân phối thu nhập là một nội dung quan trọng trong chính sách kinh tế - xã hội của đất nước, liên quan trực tiếp đến cuộc sống của hàng chục triệu con người, đến động lực phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội và nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước.

Để từng bước khắc phục hạn chế của hình thức phân phối bình quân chủ nghĩa trước đây, trong phát triển KTTT, việc phân phối được tiến hành theo nhiều tiêu chí mà trước hết căn cứ vào lao động và hiệu quả kinh tế. Kết quả lao động và hiệu quả kinh tế của sản xuất sẽ có tác động một cách trực tiếp tới lợi ích của người lao động. Quan hệ này buộc người lao động phải làm

việc một cách trách nhiệm hơn, hiệu quả hơn. Do đó, KTTT tạo môi trường khách quan thực hiện phân phối theo hiệu quả lao động và hiệu quả kinh tế một cách công bằng.

Việc phân phối không chỉ chú ý đến sự đóng góp của lao động sống mà còn quan tâm thỏa đáng đến mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất - kinh doanh. Đây là một nét mới của KTTT. Đó cũng là hình thức thực hiện CBXH từ góc nhìn đóng góp và hưởng thụ.

Cùng với hai hình thức phân phối trên, KTTT định hướng XHCN còn chú ý đến việc phân phối thông qua phúc lợi xã hội, như thực hiện chính sách đối với người có công, chính sách bảo trợ những người già cô đơn không nơi nương tựa, chính sách đối với trẻ em lang thang có hoàn cảnh khó khăn, chính sách bảo trợ phát triển xã hội ở vùng sâu, vùng xa...

- KTTT thực hiện nhiều hình thức sở hữu nên tạo cho mọi người có nhiều điều kiện tham gia làm kinh tế.

Bước vào thời kỳ đổi mới, thực hiện nền KTTT, Đảng và Nhà nước ta chủ trương thực hiện đa dạng hóa các loại hình sở hữu và đa dạng hóa các thành phần kinh tế. Không chỉ có kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể như trước đây mà còn có các thành phần kinh tế khác như kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân), kinh tế tư

* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cùng tồn tại và phát triển. Việc tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng đã khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, làm cho tăng trưởng kinh tế của đất nước có những khởi sắc, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt. Các ngành nghề phát triển nhiều thêm, các hộ đăng kí sản xuất - kinh doanh tăng mạnh. Cụ thể: tổng sản phẩm trong nước (GDP) 5 năm (2001-2005) tăng bình quân 7.51%/năm, năm 2006 là 8.2%, năm 2007 là 8.5%, năm 2008 là 6.5%.

Đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của cả nước có nhiều thành phần kinh tế, nhiều chủ thể kinh tế khác nhau; trong đó, có sự tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế cá thể và tư nhân. Năm 2005, khu vực kinh tế cá thể, tư nhân và kinh tế hỗn hợp chiếm 39.4% GDP, sử dụng 88.2% số lao động có việc làm thường xuyên và đóng góp 28% tổng số vốn đầu tư toàn xã hội.

Có thể thấy, sự đa dạng hóa sở hữu là điều kiện cơ bản giúp các chủ thể trong nền kinh tế tham gia làm kinh tế và có điều kiện thể hiện tài năng, sự sáng tạo của mình trong quá trình khôi phục quan hệ hàng hóa - tiền tệ và sự hoạt động của các quy luật KTTT, trong đó có quy luật cạnh tranh, từ đó thúc đẩy phân phối và sử dụng các nguồn lực khan hiếm của nền kinh tế có hiệu quả hơn.

- KTTT tạo điều kiện để phát triển giáo dục, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho mọi người dân.

Việt Nam đã đạt chuẩn quốc gia về xóa nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học năm 2000. Tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi tăng từ khoảng 90% trong những năm 1990 lên 97.5% trong năm 2003-2004. Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học đúng độ tuổi năm học 2000-2001 đạt 80%, đến năm 2003-2004, tỷ lệ này đạt 83.7%. Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở đang được triển khai tích cực. Đến cuối năm 2005 đã có 20/64 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đạt chuẩn phổ

cập trung học cơ sở. Số học sinh trung học chuyên nghiệp tăng 15,1% năm và dạy nghề dài hạn tăng 12%/năm, sinh viên đại học và cao đẳng tăng 8,4%/năm.

Bên cạnh đó, các trường sư phạm từ trung ương đến địa phương tiếp tục được củng cố và phát triển. Chất lượng dạy nghề có chuyển biến tích cực. Bước đầu đã hình thành mạng lưới dạy nghề cho lao động nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số, người tàn tật, gắn dạy nghề với tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo. Có được những kết quả đó chủ yếu là do đầu tư cho sự nghiệp giáo dục tăng lên đáng kể trên cơ sở tăng trưởng và ổn định kinh tế. Năm 2005, chi cho giáo dục và đào tạo chiếm khoảng 18% tổng chi ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, chủ trương xã hội hóa đã góp phần huy động nhiều nguồn vốn khác để đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục thông qua phát hành công trái giáo dục, đóng góp của dân cư, của doanh nghiệp, vốn từ nước ngoài.

Trong phát triển KTTT định hướng XHCN, vấn đề giải quyết việc làm được Đảng và Nhà nước ta xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Nhà nước cố gắng tạo thêm việc làm và có chính sách để người lao động tự tạo ra việc làm bằng cách khuyến khích phát triển kinh tế gia đình, khai thác mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế khác, kể cả thành phần kinh tế tư bản tư nhân để giải quyết việc làm. Bên cạnh việc xây dựng cơ chế, chính sách, Nhà nước đã thành lập Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm. Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm với lãi suất ưu đãi đã có tác dụng như “bà đỡ” hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất, tạo được nhiều chỗ làm việc mới cho lao động, khôi phục lại và phát triển được nhiều ngành nghề truyền thống, tăng thời gian sử dụng lao động ở nông thôn.

Ước tính cả giai đoạn 2001-2005, Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm đã cho trên 1 triệu lượt người vay vốn, doanh số cho vay gần 3.000 tỉ đồng. Nhờ các giải pháp đồng bộ, vấn đề giải quyết việc làm đã đạt được

những kết quả đáng kể. Năm 2006, đã tạo việc làm cho 1,65 triệu lao động, năm 2007 là 1,68 triệu. Năm 2006, tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm xuống còn 4,82%, thời gian sử dụng lao động ở nông thôn đạt 81,7%.

Sự phát triển KTTT định hướng XHCN góp phần nâng cao đáng kể đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Tuy nhiên, về cơ bản thu nhập bình quân đầu người của nước ta vẫn chưa thoát khỏi mức thu nhập của nước nghèo trên thế giới. Sự chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa các khu vực, các tầng lớp dân cư có xu hướng gia tăng; sự phân hóa thu nhập và đời sống trong nội bộ dân cư vẫn còn lớn và đang có xu hướng tăng nhanh.

2. Những hạn chế về thực hiện CBXH trong quá trình phát triển KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam.

a. Hiện tượng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền ngày càng gia tăng.

Theo nghiên cứu của các nhà khoa học công bố tại Hội nghị cập nhật nghèo do Viện Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức cuối tháng 3-2007, khoảng cách giữa các nhóm người giàu nhất và người nghèo nhất đang bị nới rộng một cách liên tục và đáng kể. Nếu như năm 1993, chỉ cho tiêu dùng bình quân đầu người của gia đình giàu nhất gấp 5 lần so với gia đình nghèo nhất thì tỉ lệ này tăng lên 6,3 lần vào năm 2004. Do vậy, tỉ lệ chi tiêu bình quân đầu người của nhóm giàu nhất trong tổng chi tiêu dùng xã hội tăng từ 41,8% lên 44,7%, trong khi đó, nhóm nghèo nhất lại giảm từ 8,4% xuống còn 7,1% ở cùng kì. Từ sự chênh lệch trên có thể rút ra một số nhận xét đáng lưu ý sau:

Một là, chênh lệch giàu - nghèo những năm qua tăng lên là tất yếu do sự chuyển đổi cơ chế, loại bỏ dần tính bình quân, khuyến khích làm giàu bằng việc phát huy các nguồn lực về vốn, trình độ chuyên môn, sức lao động, kinh nghiệm làm ăn.

Hai là, chênh lệch tăng tương đối nhanh trong thời gian qua và có xu hướng còn cao hơn trong thời gian tới. Cần có chính sách

khuyến khích người giàu làm giàu chính đáng hơn nữa; đồng thời, hỗ trợ người nghèo về phương tiện làm ăn để tăng thu nhập thoát nghèo, vận động người giàu hỗ trợ người nghèo thông qua giải quyết công ăn việc làm, đóng góp thuế thu nhập, làm từ thiện.

Ba là, hệ số chênh lệch giàu - nghèo là một vấn đề rất đáng quan tâm. Hệ số đó của nước ta hiện nay cao hơn một số nước, kể cả những nước đã qua nhiều năm phát triển tư bản chủ nghĩa.

Bốn là, trong chênh lệch giàu - nghèo của nước ta còn chứa đựng những yếu tố chưa hợp lý ở cả hai đầu - đầu giàu và đầu nghèo.

Ở “đầu giàu”, có không ít người có khoản thu nhập bất chính (do buôn lậu, buôn hàng cấm, gian lận thương mại, trốn thuế, do tham nhũng, ăn cắp bản quyền, kinh doanh chup giât...), hoặc những khoản thu nhập không chính đáng do lợi dụng kẽ hở của chính sách (cần rút kinh nghiệm cổ phần hóa theo kiểu tư nhân hóa, bán tổng, bán tháo tài sản nhà nước...). Một số người giàu chưa thật yên tâm hoặc chưa được khuyến khích để làm giàu chính đáng, lo sợ tình trạng cán bộ thừa hành lạm quyền “vỗ béo làm thịt”; một số khác có tư tưởng thỏa mãn theo kiểu giàu xổi hoặc do thu nhập bất chính, dẫn cho tiêu xài, không đầu tư sản xuất - kinh doanh tạo ra nhiều việc làm cho xã hội, cho người nghèo.

Ở “đầu nghèo” có không ít hộ nghèo do thiếu vốn, thiếu lao động, thiếu việc làm, thiếu kinh nghiệm, do sự rủi ro, ốm đau, tai nạn, thiên tai, dịch bệnh... tức là do những yếu tố khách quan, nhưng cũng có không ít người còn do những nguyên nhân chủ quan như lười làm, chi tiêu lãng phí, vung tay quá trán, đua đòi, “bóc ngăn cản dài”, do sinh đẻ không có kế hoạch, nghèo nhưng vợ chồng, con cái không “chung lưng đấu cật” để khắc phục, y lại vào sự trợ giúp trực tiếp của Nhà nước, xã hội... thậm chí còn sa vào tệ nạn cờ bạc, nghiện hút, rượu chè.

Năm là, về mặt tâm lý xã hội, việc đối

xử không nên “vơ đũa cả nắm”, không nên “người giàu thì ghét, người nghèo thì khinh”. Người giàu do làm ăn chính đáng, do năng động, sáng tạo, do trình độ... phải được khuyến khích, tôn vinh, học tập. Người nghèo do khách quan cần được chia sẻ, hỗ trợ, đùm bọc.

Tóm lại, để đảm bảo CBXH cần giải quyết vấn đề chênh lệch giàu - nghèo. Muốn thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, các nhà hoạch định chính sách cần quan tâm tới mấy vấn đề sau:

- Ưu tiên củng cố hệ thống an sinh xã hội theo hướng mở rộng diện bao phủ phổ cập đến mọi người dân, để nhiều hộ nghèo có mức thu nhập, chi cho tiêu dùng ở ngay sát trên chuẩn nghèo được bảo vệ trước tác động của các cú sốc trong nền KTTT.

- Giảm sự chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, đặc biệt ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Cần thúc đẩy việc đa dạng hóa thu nhập trong nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm bớt việc làm nông nghiệp và tăng việc làm phi nông nghiệp ở những vùng này.

b. Thất nghiệp đã và đang trở thành vấn đề nan giải.

Mặc dù Đảng và Nhà nước đã có nhiều nỗ lực trong giải quyết việc làm, tuy nhiên, tình trạng thất nghiệp vẫn là một vấn đề nan giải. Với cơ cấu dân số trẻ, mỗi năm có hàng triệu người bước vào độ tuổi lao động tạo nên sức ép quá lớn đối với nền kinh tế. Vấn đề thất nghiệp đặc biệt nghiêm trọng trong nhóm thanh niên, nhóm học sinh, sinh viên mới tốt nghiệp phổ thông, cao đẳng, đại học, bộ đội xuất ngũ. Đối với vùng nông thôn, tỉ lệ sử dụng thời gian lao động còn thấp cùng với việc đất canh tác bị thu hẹp do quá trình công nghiệp hóa làm cho vấn đề giải quyết việc làm càng thêm phần gay gắt.

c. Tình trạng tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại ngày càng có điều kiện phát triển.

Tình trạng tham nhũng ở nước ta hiện

nay là khá nghiêm trọng. Tổ chức Minh bạch Quốc tế đã công bố bảng xếp hạng về “cảm nhận” tham nhũng. Trong 180 quốc gia và vùng lãnh thổ Việt Nam đứng thứ 121. Nguyên nhân dẫn đến tham nhũng một mặt là do các thủ tục hành chính còn quá phiền hà, không rõ ràng. Mặt khác do pháp luật không đồng bộ, chồng chéo, các ngành lập pháp, tư pháp và hành pháp chưa thật sự độc lập với nhau. Bên cạnh đó, tiền công lao động của người dân còn quá thấp chưa đủ để tái tạo sức lao động và nuôi sống gia đình người lao động.

Buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép có chiều hướng gia tăng, tập trung chủ yếu ở các mặt hàng thuốc lá ngoại, rượu ngoại, nước giải khát, máy điều hòa nhiệt độ, gỗ quý hiếm, động vật hoang dã quý hiếm...

Nhiều đối tượng còn dùng thủ đoạn lợi dụng quy định phân luồng hàng hóa, ưu tiên doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật để buôn lậu, gian lận; xuất, nhập khẩu hàng hóa với kê khai gian dối về tên hàng, chủng loại, xuất xứ; nhập khẩu hàng thừa so với khai báo, không khai báo; nhập khẩu hàng hóa không đạt chất lượng so với quy định.

Nổi lên trong 6 tháng đầu năm 2009 là buôn lậu ở khu vực phía Bắc. Theo Tổng cục Cảnh sát (Bộ Công an) tình hình buôn lậu gà và đồ tươi sống từ Trung Quốc vào Việt Nam vẫn diễn biến phức tạp. Công an tỉnh Lạng Sơn trong 6 tháng đầu năm đã bắt giữ 56 tấn gà, 86.400 quả trứng, 5.335 kg lục phủ ngũ tạng động vật các loại nhập lậu qua đường tiểu ngạch. Công an Hà Nội bắt 17 tấn gà, 12 tấn nội tạng...

Đặc biệt, trong thời gian qua xuất hiện nhiều vụ vận chuyển trái phép hàng cấm, nhập lậu vào nước ta như vũ khí, dao găm, vàng, thuốc hướng thần, vẩy tê tê, ngà voi... và tiền Việt Nam giả.

Bên cạnh hiện tượng buôn lậu, tình trạng gian lận thương mại cũng gia tăng. Hoạt động này diễn ra ở các doanh nghiệp

(Xem tiếp trang 55).

tiền hỗ trợ các ngành hàng sản xuất có lợi thế thay thế hàng nhập khẩu và sử dụng nhiều lao động. Có chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư các dự án, công trình có quy mô lớn, tạo nhiều việc làm; hỗ trợ các doanh nghiệp thông qua việc giảm thuế, hoãn thuế, khoan nợ song song với cam kết phải duy trì việc làm cho số lao động hiện tại và thu hút thêm lao động nếu có thể; hỗ trợ vốn vay cho các doanh nghiệp gặp khó khăn để duy trì sản xuất, bảo đảm việc làm cho người lao động.

Hỗ trợ phát triển thị trường lao động trong nước với việc hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động (hoàn thiện cổng thông tin điện tử việc làm, triển khai

thu thập thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về thị trường lao động tại các tỉnh, thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm; thu thập thông tin về tình hình biến động việc làm tại các doanh nghiệp; dự báo thị trường lao động...). Đẩy mạnh việc thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ Dự án Thị trường lao động EC/MOLISA/ILO. Nâng cao năng lực công tác dự báo thị trường lao động để kịp thời ban hành những chính sách ứng phó thích hợp với tình hình lao động-việc làm. Đa dạng hoá các hình thức giao dịch việc làm, phát huy tốt vai trò của các trung tâm giới thiệu việc làm công, phối hợp với các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo tổ chức thường xuyên, định kỳ sàn giao dịch việc làm□

* * * * *

CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG QUÁ TRÌNH...

(Tiếp theo trang 24)

dưới hình thức hạ thấp giá trị hải quan, nhập hàng vào khu miễn thuế, niêm yết giá bán thấp, sau đó, thông đồng với “đầu nậu” tổ chức thuê người mua gom hàng theo tiêu chuẩn miễn thuế của cư dân biên giới, người du lịch để vận chuyển về nước tiêu thụ.

Thực hiện CBXH trong điều kiện nền KTIT định hướng XHCN ở nước ta khác về chất so với thực hiện CBXH ở những nước tư bản chủ nghĩa. Theo đó, KTIT tạo điều kiện để thực hiện CBXH, tạo điều kiện cho người dân có cơ hội tham gia làm kinh tế và tạo thuận lợi để phát triển giáo dục, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho mọi người.

Tuy nhiên, trong quá trình vận hành nền KTIT định hướng XHCN ở Việt Nam, cũng xuất hiện những hạn chế trong quá trình thực hiện CBXH như KTIT làm cho hiện tượng chênh lệch giàu - nghèo ngày càng gia tăng, thất nghiệp, tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại có cơ hội phát triển...

Đứng trước thực trạng đó, để giải quyết những hạn chế trong việc thực hiện CBXH ở nước ta hiện nay đòi hỏi phải có những giải pháp hữu hiệu như thực hiện công bằng trong phân phối, đảm bảo sự bình đẳng cho chủ thể kinh tế trong hoạt động sản xuất - kinh doanh; khuyến khích làm giàu chính đáng đi đôi với xóa đói giảm nghèo. Bên cạnh đó, cần thực hiện tốt các chính sách xã hội về tiền lương, bảo hiểm, việc làm, giáo dục đào tạo, đặc biệt là chống tham nhũng, buôn lậu□

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI. NXB. Sự thật. Hà Nội.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần IX. X. NXB. CTQG. Hà Nội.

3. Kinh tế tăng trưởng gắn với chất lượng người dân (9-2008). Tổng quan kinh tế Việt Nam.

4. Đặng Thị Loan, Lê Du Phong, Hoàng Văn Hao (đồng chủ biên. 2007). Kinh tế Việt Nam 20 năm đổi mới (1986-2006) thành tựu và những vấn đề đặt ra. NXB. Đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội.